TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 53/2019/HNGĐ - ST Ngày: 19-11-2019 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải và bà Nguyễn Thị Hồng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tiến Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 276/2019/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2019/QĐST - HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1981.

2. *Bị đơn*: Anh Phan Trọng U, sinh năm 1979.

Đều trú tại: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương.

(*Chị N có mặt, anh U, bà C vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Phạm Thị N trình bày:

Chị và anh Phan Trọng U trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 05/9/2003. Sau ngày cưới cả hai anh chị đều làm công nhân và thuê trọ ở thôn H, xã H, huyện K, TP H được 18 tháng sau đó về làm nhà trên đất 03 tại thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương cả hai đều lao động tự do. Anh chị hạnh phúc được hơn mười năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh U không tu trí làm ăn, mỗi khi uống rượu say chị có tham gia thì lại đánh chị, anh chị đã sống ly thân từ tháng 12/2017 cho tới nay việc của ai người đó

làm không ai quan tâm tới ai, anh U chơi bời và nợ nần của nhiều người không có khả năng trả nợ nên thường xuyên trốn tránh việc vay nợ. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh U.

Về con chung: Chị và anh U có hai con chung là Phan Trung H, sinh ngày 11/6/2004 và Phan Hoàng H, sinh ngày 21/6/2011, từ khi anh chị ly thân cho tới nay con H ở cùng với anh U còn con H ở với chị. Nguyện vọng của chị sau khi ly hôn là mỗi người nuôi một con, chị sẽ nuôi con H còn anh U nuôi con H, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hiện tại chị buôn bán, thu nhập ổn định từ 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/tháng và có chỗ ở ổn định.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt văn bản, tài liệu hợp lệ cho bị đơn là anh Phan Trọng U và nhiều lần triệu tập anh U đến Tòa án giải quyết vụ ly hôn nhưng anh U không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị N.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của anh U và chị N. Tại biên bản xác minh ngày 25/10/2019, đại diện lãnh đạo xã N cùng đại diện Hội phụ nữ, Tư pháp xã và lãnh đạo thôn A đều xác nhận trong cuộc sống vợ chồng chị N, anh U đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do anh U chơi bời không tu trí làm ăn, vợ chồng không tôn trọng nhau thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau, chính quyền địa phương cũng đã tham gia nhiều lần hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện. Nay chị N xin ly hôn với anh U, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị C là mẹ đẻ của anh U trình bày: Trong cuộc sống, vợ chồng anh U và chị N đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không tin tưởng nhau về kinh tế dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, anh U nhiều lúc nóng giận cũng có đánh chị N về phía chị N có lời nói xúc phạm tới anh U và gia đình chồng, cách đây một năm anh U cũng đã làm đơn xin ly hôn với chị N nhưng gia đình khuyên giải anh U đã rút đơn, tuy nhiên cuộc sống vợ chồng vẫn không cải thiện được, do nợ nần nên anh U và con Phan Trung H đi đâu, địa chỉ bà cũng không biết. Bà đã điện thoại thông báo cho anh U biết được yêu cầu của chị N xin được ly hôn và giải quyết việc nuôi con, quan điểm của anh U nhất trí ly hôn với chị N và mỗi người nuôi một con anh U nuôi con H còn chị N nuôi con H.

Đại diện cơ quan quản lý gia đình và trẻ em ở địa phương cũng xác nhận chị N và anh U đã sống ly thân từ lâu và mỗi người nuôi một con. Nay anh chị ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của các con, nếu anh chị không thỏa thuận được thì để mỗi người nuôi một con để đảm bảo quyền lợi cho các con.

Con Phan Hoàng H có nguyện vọng muốn ở với chị N, còn con Phan Trung H đang ở với anh U do vậy không tiến hành lấy lời khai được.

Tòa án đã tiến hành các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật nhưng anh U không đến tham gia nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 11/11/2019, bị đơn là anh Phan Trọng U đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa: Chị Phạm Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Phan Trọng U và giải quyết việc nuôi con chung, ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác. Anh U đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Tại phiên tòa, chị N có mặt anh U vắng mặt lần hai không có lý do, HĐXX đã căn cứ các điều 227, 228 của BLTTDS xử vắng mặt anh U. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn và người làm chứng không thực đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS; Hướng giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX căn cứ các điều: 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí toà án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị N về xin ly hôn với anh Phan Trọng U; về con chung: Giao cho chị Phạm Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Phan Hoàng H, sinh ngày 21/6/2011; giao cho anh U tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Phan Trung H, sinh ngày 11/6/2004 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị N, anh U không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau; về án phí chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Phan Trọng U đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh U.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Phan Trọng U kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 05/9/2003. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh U là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của chị N, biên bản xác minh tại địa phương, lời khai của người làm chứng là bà C có căn cứ xác định trong cuộc sống anh chị đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp trong cuộc sống, không tôn trọng nhau, anh U chơi bời không

tu trí làm ăn, nhiều lần chị N bị anh U xúc phạm. Từ tháng 12 năm 2017 đến nay anh chị đã sống ly thân. Anh U cũng không có thiện chí đoàn tụ cùng chị N, điều này thể hiện trong quá trình anh chị sống ly thân, anh chị không quan tâm đến nhau và anh U cũng không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh U đã nhiều lần được Tòa án triệu tập để lấy lời khai, đồng thời hòa giải việc ly hôn với chị N nhưng anh U không đến, cũng không thể hiện quan điểm muốn vợ chồng đoàn tụ. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh U đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ các điều: 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị N ly hôn với anh U.

[3] Về con chung: Chị N đang nuôi con Phan Hoàng H còn con Phan Trung H đang ở với anh U, chị N đồng ý để anh U nuôi con H, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của con và tình trạng thực tế hiện nay của hai bên. Đại diện UBND xã Nguyên Giáp (cơ quan quản lý nhà nước về gia đình ở địa phương) cũng đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của các con và nên giao cho mỗi người nuôi một con để đảm bảo quyền lợi cho các con. Do đó, HĐXX thấy cần thiết tiếp tục giao con Phan Hoàng H cho chị N, con Phan Trung H cho anh U nuôi dưỡng và chăm sóc, phù hợp với đề nghị của đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Chị N và anh U không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[4] Về tài sản chung: Chị N, anh U đều không yêu cầu giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều: 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N, xử cho chị Phạm Thị N ly hôn anh Phan Trọng U.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Phan Hoàng H, sinh ngày 21/6/2011; giao cho anh U tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Phan Trung H, sinh ngày 11/6/2004 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị N, anh U không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sơ thẩm (Hôn nhân gia đình), được đối trừ vào số tiền 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số AA/2017/0005278 ngày 04/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- Các đương sự
- UBND xã N, huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Văn Tú